

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VNMEDIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VNMEDIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNMEDIC MEDICAL EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VNMEDIC MEDICAL EQUIPMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502433852

**3. Ngày thành lập:** 24/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Bàu Điền, Xã Đá Bạc, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0985300828

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299     |
| 6.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1622     |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2220     |
| 8.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm làm từ kính như: lavabo, bồn tắm đứng, kính ghép, kính sơn, kính trang trí nội ngoại thất<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                            | 2310     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330     |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất các phụ kiện thiết bị vệ sinh, các loại van nước và van giảm áp bằng kim loại - Sản xuất các loại ổ khóa, bản lề, tay nắm cửa các linh kiện, chi tiết khác bằng kim loại - Sản xuất các sản phẩm khác từ sắt, thép, đồng, nhôm, inox (trừ xi mạ và sơn tĩnh điện). (Không hoạt động tại trụ sở) | 2599     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí (không xi mạ, không đúc khuôn) (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                   | 2511 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nón bảo hiểm; Bán buôn dụng cụ y tế, thiết bị y tế và phụ tùng máy dùng trong y tế                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 14. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng trang trí ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4530 |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí - Gia công khuôn mẫu, CMC (trừ xi mạ, không đúc khuôn) (không gia công tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật). - Sơn các loại (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 2592 |
| 16. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất mũ bảo hiểm (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                   | 3290 |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4543 |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ bán buôn vàng miếng) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 19. | In ấn<br>(trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi dệt may, đan) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4511 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759 |
| 23. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                      | 3100 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)                                                                                                                                                                                              | 4669 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ phân bón (trừ tôn trữ hóa chất tại trụ sở, bán lẻ bình gas, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)                                                                            | 4773                                                         |
| 26. | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ.                                                                                                                                                                                                                         | 8010                                                         |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chống sét                                                                                                                          | 4652(Chính)                                                  |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4741                                                         |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế, vật dụng bảo hộ y tế và phụ tùng máy dùng trong y tế                                                                                                                   | 4659                                                         |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, vật dụng bảo hộ y tế                                                                                                                 | 4772                                                         |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may mặc, quần áo bảo hộ, giày dép dùng trong y tế                                                                                                                                                        | 4641                                                         |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, quần áo bảo hộ, giày dép dùng trong y tế                                                                                                                   | 4771                                                         |
| 33. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất khẩu trang kháng khuẩn, khẩu trang chống bụi, các loại khẩu trang khác, sản xuất trang phục khác (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                         | 1410                                                         |
| 34. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                   | 3250                                                         |
| 35. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 19.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ HỒNG LONG      | 165/44 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 4.180.000.000         | 22,000    | C4303874                                                                                                                                          |         |
| 2   | NGUYỄN THÙY DƯƠNG | 165/44 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 4.370.000.000         | 23,000    | C7754395                                                                                                                                          |         |
| 3   | DƯƠNG CUÔNG       | 43/16 Cầu Xéo, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam              | 10.450.000.000        | 55,000    | C2458888                                                                                                                                          |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÙY DƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C7754395

Ngày cấp: 09/07/2019 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 165/44 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 165/44 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu